PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN THEO ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP ỨNG DỤNG (POHE) Ở KHOA THỂ DỤC THỂ THAO, TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÁI NGUYÊN

Hà Quang Tiến*

Tóm tắt:

Phát triển chương trình đào tạo (CTĐT) là quá trình liên tục nhằm làm hoàn thiện CTĐT. Phát triển CTĐT đại học có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế – xã hội. Trong đó xây dựng và phát triển CTĐT giáo viên theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng (POHE) là một bước đi mới trong việc nâng cao năng lực cho sinh viên tốt nghiệp ngành Thể dục Thể thao (TDTT). Trong bài viết này, tác giả giới thiệu tóm tắt lý thuyết phát triển CTĐT theo POHE và kinh nghiệm xây dựng chương trình theo POHE ở Khoa TDTT, Trường Đại học Sư phạm (ĐHSP) Thái Nguyên cùng các kiến nghị về việc phát triển CTĐT đối với các cơ sở giáo dục.

Từ khóa: Chương trình đào tạo; Định hướng nghề nghiệp; Năng lực; Phát triển; Sinh viên.

Developing a career-oriented teacher training program (POHE) in the Department of Sport, Thai Nguyen University of Education

Summary:

Teacher training program development by Profession- Oriented Higher Education (POHE) of Sports Faculty at Thai Nguyen University of Education Training program development is a continuous process to improve the training program. Developing the university training program plays an important role to ensure the quality of human resource training meeting the demand of socio-economic development in which building and developing the teacher training program by the Profession- Oriented Higher Education (POHE) is a new step in enhancing the capacity of Sports graduated students. In the article, the authors have introduced the theoretical summary of the training program development by POHE in the Sports Faculty at Thai Nguyen University of Education, at the same time given several suggestions of the training program development to the educational institutions.

Keywords: Training program, Profession- Oriented Higher Education, capacity, development, students.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Qua khảo sát CTĐT của các trường đại học TDTT và khoa Giáo dục thể chất (GDTC) của các trường đại học và cao đẳng sư phạm thì việc xây dựng CTĐT chủ yếu theo cách tiếp cận nội dung, có nghĩa chương trình chỉ là bản phác thảo nội dung đào tạo, giáo dục mang tính truyền thu nội dung - kiến thức theo hình thức một chiều, thiếu sự tham khảo về nhu cầu thực tế của thị trường lao động và phản hồi của cựu sinh viên tại các đơn vị sử dụng lao động. Do là đặc thù chuyên ngành GDTC nên phần thực hành chiếm chủ yếu thời lượng đào tạo, tập trung nhiều thời gian cho việc phát triển kỹ năng, kỹ xảo thực hiện động tác và thành tích thể thao, chưa chú ý nhiều đến việc phát triển các năng lực khác cần thiết của người học như: năng lực dạy học, năng lực huấn luyện, năng lực nghiên cứu khoa học…Do vậy, khi sinh viên ra trường và công tác tại các cơ sở giáo dục đào tạo còn bộ lộ nhiều điểm yếu về kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cũng như các năng lực cần thiết khác (Hà Quang Tiến, Đào Ngọc Anh - 2014).

Dự án giáo dục bậc Đại học định hướng nghề nghiệp Việt Nam - Hà Lan (PROFED) được triển khai từ năm 2005 với 08 trường tham gia

*TS, Trường Đại học Thái Nguyên, Email: haquangtien@dhsptn.edu.vn

thí điểm được xem là nỗ lực của chính phủ nhằm cụ thể hóa mục tiêu đề ra (CEEA 2009, Phạm Thị Lý và cộng sự. 2013, Phạm Thị Hương 2009). Kết quả đánh giá về giai đoạn một của dự án (2005–2009) cho thấy hiệu quả rõ nét của CTĐT định hướng nghề nghiệp (POHE).

Khoa TDTT, Trường ĐHSP Thái Nguyên là một trong 5 khoa của Trường tham gia pha 2 của Dự án POHE. Kết quả thu được ban đầu cho thấy, xây dựng CTĐT theo POHE là rất hiệu quả trong việc nâng cao năng lực cho người học và việc xây dựng CTĐT theo hướng này cần được nhân rộng.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu tham khảo; Phương pháp phỏng vấn; Phương pháp toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Khái quát về chương trình POHE

Giáo dục định hướng nghề nghiệp ứng dụng (POHE - Profession Oriented Higher Education) là một loại hình đào tạo bậc đại học chú trọng đến phát triển các năng lực và kĩ năng nghề mà đặc trưng của loại hình đào tạo này là sự gắn kết chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo, giảng viên tham gia giảng dạy và cộng đồng doanh nghiệp thuộc lĩnh vực đào tạo đó. Chương trình đào tạo POHE được phát triển dựa trên việc khảo sát thị trường lao động, đánh giá nhu cầu đào tạo, thiết lập hồ sơ nghề nghiệp và hồ sơ năng lực của người lao động. Chương trình đào tạo POHE có sự tham gia của các bên liên quan, trong đó có các hiệp hội nghề nghiệp, đại diện doanh nghiệp và cựu sinh viên. Chương trình đào tạo còn được so sánh, đối chiếu tham khảo các chương trình đào tạo khác ở trong nước và quốc tế, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Do đó, ưu điểm nổi bật của CTĐT này là tỉ lệ sinh viên tìm được việc làm ngay sau khi tốt nghiệp cao; cộng đồng doanh nghiệp có thể sử dụng ngay nguồn nhân lực này mà không cần phải đào tạo thêm hoặc đào tạo lại, từ đó tiết kiệm được nguồn lực cho xã hội.

Chương trình POHE phản ánh cách tiếp cận tích hợp, trong đó kiến thức lý thuyết kết hợp với thực hành và đào tạo các kỹ năng mềm, tập trung vào thực hành nghề nghiệp của sinh viên. Với hệ thống các môn học được xác định một cách khoa học, có kế thừa và phát triển là quá trình sư phạm chuyển đổi hồ sơ năng lực thành các hoạt động sư phạm chứa đựng các hoạt động dạy và học trợ giúp sinh viên đạt được các mục tiêu học tập dự kiến. Bên cạnh việc đánh giá kiến thức lý thuyết truyền thống, đánh giá sinh viên còn có cả các hợp phần thực hành liên quan đến bên sử dụng lao động. Đó là đánh giá khả năng của sinh viên trong thực hành nghề nghiệp và các kỹ năng của họ trong việc sử dụng các thiết bị và làm việc trong môi trường doanh nghiệp.

2. Phát triển CTĐT theo POHE ở Khoa TDTT, Trường ĐHSP Thái Nguyên

Về cơ bản, việc xây dựng CTĐT sinh viên ở Khoa TDTT, Trường ĐHSP Thái Nguyên được diễn ra theo quy trình các bước như sau:

2.1. Khảo sát thị trường lao động

Khi bắt đầu quá trình phát triển CTĐT POHE, phải tiến hành điều tra, khảo sát thị trường lao động - thế giới việc làm (WoW) để xác định và phân tích nhu cầu về chất lượng và số lượng. Phải điều tra khảo sát tất cả các cơ quan liên quan trong WoW, cả khu vực nhà nước và tư nhân. Khoa TDTT đã khảo sát thị trường lao động tại các cơ sở giáo dục thuộc 06 tỉnh miền núi phía Bắc là Quảng Ninh, Cao Bằng, Bắc Kạn, Hà Giang, Tuyên Quang và Thái Nguyên, đối tượng khảo sát chủ yếu gồm: Cán bộ quản lý (gồm lãnh đạo các Sở GD&ĐT, lãnh đạo các Phòng GD&ĐT, lãnh đạo các trường THPT và Tổ trưởng chuyên môn); cựu sinh viên là giáo viên, giảng viên thể dục; cựu sinh viên không là giáo viên, giảng viên. Số phiếu gửi đi cho các đối tượng khảo sát là 80 phiếu trong đó có 64 phiếu phỏng vấn sâu.

2.2. Xây dựng hồ sơ nghề nghiệp, hồ sơ năng lực sinh viên tốt nghiệp và mục tiêu đào tạo

- Từ kết quả khảo sát có thể cho biết được vị trí việc làm cũng như nghề nghiệp đặc trưng của sinh viên – Hồ sơ nghề nghiệp. Khi khảo sát nhu cầu thực tiễn, nên kết hợp giữa việc dùng bảng hỏi với phỏng vấn các đối tượng có liên quan cũng như chuyên gia giáo dục. Để có thể thiết lập bảng hỏi một cách chính xác và hiệu quả, cần dựa vào Luật giáo dục, các Nghị định của

Chính phủ, Chuẩn nghề nghiệp giáo viên và Điều lệ Trường phổ thông. Ví dụ về hồ sơ nghề nghiệp sinh viên tốt nghiệp Khoa TDTT, Trường ĐHSP Thái Nguyên:

Môi trường làm việc	Nghề nghiệp đặc trưng
Các trường phổ thông (Tiểu học, THCS và THPT)	Giáo viên TDTT các trường Tiểu học, THCS và THPT
Các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp	Giảng viên TDTT các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp
Các phòng Giáo dục, sở Giáo dục	Chuyên viên các phòng ban trong các phòng Giáo dục, sở Giáo dục, các trường TCCN, Cao đẳng, Đại học
Cơ sở giáo dục khác (TTGDTX, TTGD cộng đồng)	Chuyên viên
Các phòng TDTT, Sở VH, TT& DL	Chuyên viên, HLV, giáo viên Trường năng khiếu TDTT tại các Sở VHTT& DL
Các trung tâm VH TDTT cấp Phòng, Tỉnh	Chuyên viên các trung tâm VH TT TDTT các phòng, tỉnh
Các đơn vị lực lượng vũ trang	Chuyên viên, HLV, cán bộ làm công tác phong trào…
Các Viện nghiên cứu	Chuyên viên trong các viện nghiên cứu khoa học giáo dục và Khoa học TDTT

- Hồ sơ năng lực: Từ kết quả phân tích nhu cầu thực tiễn, dựa trên tư vấn của các chuyên gia giáo dục để xây dựng hồ sơ năng lực của sinh viên tốt nghiệp, đó là văn bản xác định những năng lực mà sinh viên tốt nghiệp cần có để đáp ứng tốt công việc giáo dục ở phổ thông. Ví dụ hồ sơ năng lực sinh viên tốt nghiệp Khoa TDTT, Trường ĐHSP Thái Nguyên:

1) Năng lực tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục
2) Năng lực dạy học
3) Năng lực giáo dục
4) Năng lực hoạt động chính trị xã hội
5) Năng lực phát triển nghề nghiệp
6) Năng lực đặc thù

Mỗi năng lực bên trong lại có các năng lực thành phần khác nhau.

- Xây dựng mục tiêu đào tạo: Mục tiêu của CTĐT mô tả khái quát những phẩm chất và năng lực (kiến thức, kĩ năng và thái độ) mà sinh viên đạt được sau khi kết thúc khóa học. Những mục tiêu này sau đó cụ thể hóa thành văn bản chi tiết hơn gọi là Chuẩn đầu ra của CTĐT.

2.3. Xây dựng các module kiến thức

Sau khi xây dựng chuẩn đầu ra của CTĐT, cần lựa chọn những nội dung kiến thức có thể giúp người học đạt được các chuẩn đã đặt ra sau khi kết thúc khóa học. Các nội dung kiến thức có thể được tổ chức thành các module, đó là các đơn vị kiến thức nhằm qua đó trang bị cho người học các kiến thức xác định, đồng thời hình thành ở họ những năng lực cần thiết để thực hiện công việc giảng dạy và giáo dục trong trường phổ thông. Một năng lực của người học có thể được hình thành bởi nhiều module kiến thức khác nhau, ngược lại một module cũng có thể hình thành ở người học nhiều năng lực khác nhau. Sau đó tổ hợp các module kiến thức thành các học phần (môn học) tương ứng với việc đào tạo các năng lực khác nhau cho người học. Ví dụ về việc xây dựng các module kiến thức trong CTĐT giáo viên chuyên ngành GDTC của Khoa TDTT, Trường ĐHSP Thái Nguyên:

2.4. Xây dựng khung CTĐT

Để xác định được hệ thống các môn học cốt lõi trong CTĐT, cần xây dựng ma trận các học phần. Ma trận này gồm 2 chiều: Chiều ngang để liệt kê danh mục các năng lực đã được xác định trong Chuẩn đầu ra; Chiều dọc liệt kê các môn học/học phần đã được xác định trong bảng module kiến thức, với mỗi môn học cần xác định cụ thể những đóng góp vào sự phát triển

Nhóm năng lực	Năng lực /kĩ năng	Mô tả chi tiết	Mô đun kiến thức	Môn học/ học phần
Nhóm năng lực dạy học III	**Năng lực tìm hiểu chương trình và Sách giáo khoa (III.1)**	- Nắm được mục tiêu và cấu trúc chương trình môn Thể dục ở trường phổ thông - Hiểu được những kiến thức được trình bày trong Sách giáo khoa môn Thể dục ở trường phổ thông - Phân tích được vị trí, vai trò của một bài học cụ thể trong Sách giáo khoa Thể dục ở trường phổ thông - Phân tích được những dụng ý sư phạm của một bài học cụ thể trong chương trình môn Thể dục ở trường phổ thông	- Những tư tưởng cơ bản trong chương trình môn Thể dục ở trường phổ thông - Những kiến thức quan trọng trong chương trình môn Thể dục ở trường phổ thông	- Phương pháp giảng dạy Thể dục ở trường phổ thông - Rèn luyện NVSP
	Năng lực xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học (III.2)	- Biết lập kế hoạch dạy học cho năm học, học kỳ - Biết lập kế hoạch các loại bài học khác nhau (bài học lý thuyết, bài học thực hành) thể hiện mối quan hệ mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện dạy học; thể hiện sự phù hợp với người học, môi trường, cơ sở vật chất dạy học; phân bổ thời gian hợp lí; dự kiến được các tình huống sư phạm có thể xảy ra - Biết điều chỉnh linh hoạt các phương án dạy học theo thiết kế ban đầu phù hợp với các tình huống lớp học - Biết sử dụng các phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với thực tế lớp học - Biết quan sát bao quát lớp học và giao nhiệm vụ học tập cho học sinh tạo không khí tập luyện tích cực trong lớp - Biết soạn đề kiểm tra tự luận và đề kiểm tra thực hành môn Thể dục - Biết cách kiểm tra, thu nhận thông tin ngược để điều chỉnh hoạt động dạy học	+ Hình thức tổ chức dạy học ở trường phổ thông: - Các loại bài học và kế hoạch dạy học - Lập kế hoạch dạy học dài hạn: Kế hoạch năm học, kế hoạch học kỳ - Lập kế hoạch dạy học ngắn hạn: Soạn giáo án - Các bước xây dựng kế hoạch dạy học - Hồ sơ dạy học của giáo viên	- Giáo dục học - Phương pháp giảng dạy Thể dục ở trường phổ thông - Rèn luyện NVSP

năng lực nào đó và mức độ của nó. Từ ma trận trên, môn học nào có nhiều đóng góp cho sự phát triển các năng lực cần có của sinh viên thì được ưu tiên vào CTĐT (trừ một số môn đặc biệt). Danh sách các môn học sau khi được lựa chọn sẽ được chia thành các khối: Khối kiến thức đại cương (dành cho mọi ngành đào tạo); Khối kiến thức ngành; Khối kiến thức về nghiệp vụ sư phạm. Mỗi khối kiến thức trên lại chia thành hai phần bắt buộc và tự chọn. Ví dụ khung CTĐT của Khoa TDTT, Trường ĐHSP Thái Nguyên:

Khung chương trình đào tạo khóa 50 chuyên ngành giáo dục thể chất

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				TTCM cơ sở	HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Thảo luận				
1	Kiến thức chung										
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp										
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành										
2.2.	Kiến thức ngành										
2.3.	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm										
2.4.	Khoá luận tốt nghiệp, các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp										

Tổng số 123 tín chỉ sinh viên phải tích luỹ (Không tính các học phần Giáo dục quốc phòng). Trong đó: Tổng số học phần: 72; Tổng số tín chỉ: 207; Học phần bắt buộc: 36 - số tín chỉ 98; Học phần tự chọn: 36 – số tín chỉ 109.

2.5. Xây dựng đề cương chi tiết môn học

Đề cương môn học là phần bắt buộc của CTĐT, là khung chi tiết của nội dung học; là công cụ định hướng cho hoạt động dạy và học theo học chế tín chỉ; là cơ sở để giảng viên biên soạn đề cương bài giảng. Đề cương môn học bao gồm các nội dung chủ yếu như sau: Thông tin chung về môn học; Mục tiêu môn học; Nội dung tóm tắt môn học; Tại liệu học tập: Tài liệu tham khảo; Nhiệm vụ của sinh viên; Nội dung chi tiết môn học, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, địa điểm dạy học và phương pháp đánh giá. Ví dụ về Đề cương chi tiết học phần của Khoa TDTT, Trường ĐHSP Thái Nguyên:

TÊN HỌC PHẦN: BÓNG ĐÁ

Mã học phần: SFB331N

1. Thông thi chung về môn học
- Số tín chỉ: 03 Số tiết: 45
- Tổng: LT: 09 BT: 6 TH: 30
- Loại môn học: Bắt buộc.
- Các học phần tiên quyết: Không
- Môn học trước: Không
- Môn học song hành: Không
- Bộ môn phụ trách: Các môn thể thao

1.1. Yêu cầu chung đối với sinh viên:

1.2. Yêu cầu chung đối với giảng viên:

2. Mục tiêu của môn học

3. Mô tả tóm tắt nội dung môn học

4. Mô tả môn học bằng tiếng Anh

5. Tài liệu học tập

6. Tài liệu tham khảo

7. Kiểm tra, đánh giá

8. Nội dung chi tiết

2.6. Những điểm mới của chương trình POHE so với chương trình cũ

- Số tín chỉ phải tích luỹ giảm đáng kể: Chỉ còn 123 tín chỉ so với 134 như các chương trình trước đây;
- Khối kiến thức chuyên ngành tăng, kiến thức tự chọn nhiều hơn;
- Nội dung các môn học gắn liền với thực tiễn nghề nghiệp, với năng lực của sinh viên;
- Thời lượng: Giảm lý thuyết, tăng thực hành, tỷ lệ lý thuyết/ thực hành ở các học phần lý thuyết là 50/50, các học phần thực hành là 30/70;
- Hình thức dạy học đa dạng: Sử dụng nhiều hơn các giờ tín chỉ khác nhau như: Lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành;
- Kiểm tra, đánh giá: Kết hợp đánh giá thường xuyên, đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết môn học theo 3 mức độ, vì vậy có thể đánh giá được toàn diện năng lực của sinh viên;
- Cụ thể hoá mục tiêu môn học ở 3 cấp độ: Tái hiện, vận dụng và sáng tạo. Từ đó có thể dễ dàng hơn trong việc đánh giá được mức độ đặt được về kiến thức và kỹ năng của người học.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao và luôn biến đổi của thị trường lao động thì việc thường xuyên bổ sung, chỉnh sửa và phát triển CTĐT là việc làm rất cần thiết của các nhà trường để luôn đổi mới CTĐT và nhà trường. Việc phát triển CTĐT theo POHE là một ví dụ tham khảo cho việc phát triển năng lực cho người học phù hợp với yêu cầu của xã hội. Do còn nhiều góc nhìn

Chú trọng phát triển các kỹ năng thực hành nghề nghiệp là điểm nổi bật trong chương trình đào tạo theo định hướng nghề nghiệp (POHE) (Ảnh minh họa)

và quan niệm khác nhau về cách tiếp cận, mô hình phát triển CTĐT định hướng nghề nghiệp ứng dụng nên cần có những nghiên cứu sâu sắc và toàn diện để ứng dụng phù hợp với điều kiện của các nhà trường.

2. Kiến nghị

Nên phát triển chương trình đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng (POHE) trong đào tạo giáo viên thể dục tại Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên, trong đó chú ý:

Việc phát triển CTĐT phải được tiến hành thường xuyên, liên tục.

Thực hiện đúng và đầy đủ quy trình phát triển CTĐT.

Tăng cường vai trò của các bên liên quan.

CTĐT phải mang tính "năng động", phù hợp với nhu cầu phát triển xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Bình (2011), Vấn đề khoa học giáo dục và sự cần thiết phải thay đổi cách nghĩ, cách làm về giáo dục, *Tạp chí Quản lý giáo dục*, 22 (tháng 3/2011), 1- 4.

2. Bộ Giáo dục - Đào tạo, Báo cáo kết quả triển khai chương trình giáo dục đại học định hướng nghề nghiệp ứng dụng tại Việt Nam, tháng 8, năm 2013.

3. Trần Khánh Đức (2002), *Giáo dục kỹ thuật-nghề nghiệp và phát triển nguồn nhân lực*, Nxb Giáo dục.

4. Glenn M. - Mary Jo Blahna (2005), A Competency - based model for developing human rource professionnals.

5. Phạm Thị Huyền (2011), Xây dựng CTĐT Đại học theo định hướng mới nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, Hội thảo toàn quốc Giáo dục Đại học Việt Nam – Hội nhập Quốc tế, Hà Nội: Đại học Quốc gia HCM, Được truy cập từ: http://gddhhoinhapquocte. nuhcm.edu.vn/site/vn/?p=962

6. Phạm Thị Hương (2009). "Lịch sử 50 năm phát triển giáo dục: hướng tới mối quan hệ chặt chẽ hơn giữa thị trường lao động và cơ sở đào tạo", trong tài liệu Sổ tay giảng viên POHE, Dự án Giáo dục Đại học Việt Nam – Hà Lan.

7. Nguyễn Danh Nam (2015), CTĐT định hướng nghề nghiệp ứng dụng (Chương trình POHE), Tài liệu tập huấn phát triển CTĐT giáo viên.

(Bài nộp ngày 5/4/2017, Phản biện ngày 10/4/2017, duyệt in ngày 25/6/2017)